BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số 445/QĐ-ĐHTM ngày 26 tháng 3 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)*

| | |
|---|---|
| **Chương trình đào tạo:** | **Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng (Logistics and Supply Chain Management)** |
| **Trình độ đào tạo:** | **Đại học** |
| **Ngành đào tạo:** | **Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng** |
| **Mã ngành:** | **7510605** |
| **Hình thức đào tạo:** | **Từ xa** |
| **Ngôn ngữ đào tạo:** | **Tiếng Việt** |
| **Thời gian đào tạo:** | **4 năm** |

## 1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

- Chương trình đào tạo từ xa Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng trình độ đại học đã được ban hành theo Quyết định số 1735/QĐ-ĐHTM ngày 13 tháng 10 năm 2023.

- Lần rà soát, đánh giá năm 2024, chương trình đào tạo hình thức từ xa đã cập nhật theo chương trình đào tạo chính quy của ngành đào tạo tương ứng (được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 443/QĐ-ĐHTM ngày….25/03/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại).

## 2. Mục tiêu của chương trình đào tạo từ xa

***- Mục tiêu chung***:

Chương trình Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng là CTĐT định hướng ứng dụng, nhằm đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khoẻ tốt, có năng lực tự chủ và trách nhiệm, nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế và quản lý, nắm vững kiến thức và kỹ năng của ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng. Người học sau khi tốt nghiệp có khả năng thực hành các kiến thức, có kỹ năng tham gia hoạch định chiến lược, quy hoạch, quản lý các hoạt động logistics và chuỗi cung ứng trong bối cảnh phát triển của môi trường số.

Người học tốt nghiệp có khả năng làm việc tại các doanh nghiệp dịch vụ logistics; các doanh nghiệp sản xuất, thương mại trong chuỗi cung ứng có hoạt động logistics phục vụ cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; các cơ quan quản lý nhà nước các cấp liên quan đến lĩnh vực logistics và chuỗi cung ứng; các cơ sở đào tạo, nghiên cứu về logistics và chuỗi cung ứng.

***- Mục tiêu cụ thể***:

Chương trình đào tạo ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng nhằm mục tiêu cụ thể là đào tạo người học có được các kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm như sau:

Về kiến thức: Đạt chuẩn kiến thức giáo dục đại cương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; nền kiến thức đủ rộng và bao quát về lĩnh vực kinh tế và kinh doanh; kiến thức căn bản, cập nhật về quản trị kinh doanh và chuyên sâu về ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng.

Về kỹ năng: Có kỹ năng tham gia hoạch định chiến lược, chính sách và xây dựng kế

hoạch về logistics và chuỗi cung ứng của doanh nghiệp/tổ chức, ngành, địa phương; Có kỹ năng tổ chức triển khai và phát triển, quản trị các hoạt động logistics và chuỗi cung ứng (trên cấp độ kế hoạch chiến lược, kế hoạch chiến thuật và tác nghiệp) và một số lĩnh vực hoạt động có liên quan trực tiếp (marketing, phân phối, quản lý chất lượng) của doanh nghiệp/tổ chức;

Về mức độ tự chủ và trách nhiệm: Có năng lực tự học tập suốt đời, năng lực cập nhật kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp, năng lực thích ứng, cải tiến, sáng tạo trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; Có ý thức vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập, trong thực hiện các nhiệm vụ, có tinh thần khởi nghiệp, chấp hành nghiêm kỷ luật và tham gia các hoạt động tập thể của doanh nghiệp/tổ chức;

Người học tốt nghiệp có thể học phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành Kinh tế - Quản lý - Kinh doanh và học tập các bậc học cao hơn về logistics và chuỗi cung ứng, kinh doanh, thương mại, quản lý, quản trị trong và ngoài nước.

**3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo**

***3.1. Yêu cầu về kiến thức***

Người học tốt nghiệp đạt chuẩn kiến thức giáo dục đại cương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, có đủ kiến thức về lý luận chính trị, kinh tế, xã hội, kiến thức đa ngành và kiến thức chuyên ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, bao gồm:

(PLO1): Vận dụng các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật, kiến thức nguyên lý quy luật tự nhiên xã hội, kiến thức về lý luận chính trị, pháp luật, kinh tế, xã hội vào hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng.

(PLO2): Vận dụng kiến thức căn bản, cập nhật và phát triển kiến thức chuyên sâu về lý luận và thực tiễn của ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng.

***3.2. Yêu cầu về kỹ năng***

Người học tốt nghiệp có kỹ năng chuyên nghiệp về logistics và quản lý chuỗi cung ứng, bao gồm:

(PLO3): Biết thực hiện các kỹ năng phân tích, nhận dạng, đánh giá các vấn đề logistics và quản lý chuỗi cung ứng của ngành/địa phương, tổ chức/doanh nghiệp; Tham gia phân tích, nhận dạng được vấn đề trong chương trình và kế hoạch (chiến lược, chiến thuật, tác nghiệp) logistics và quản lý chuỗi cung ứng sản phẩm/nhóm sản phẩm của doanh nghiệp/tổ chức.

(PLO4): Biết thực hiện các kỹ năng hoạch định, triển khai, phát triển, quản trị hoạt động có liên quan đến thị trường và khách hàng, sản phẩm và dịch vụ (như marketing, quản trị chất lượng, thương hiệu, kinh doanh quốc tế…) của doanh nghiệp/tổ chức.

(PLO5): Biết thực hiện các kỹ năng phân tích, lập chương trình và kế hoạch, đánh giá chuỗi hoạt động logistics và từng hoạt động logistics chức năng của doanh nghiệp/ tổ chức.

(PLO6): Biết thực hiện các kỹ năng lập kế hoạch và triển khai hoạt động quản lý nguồn cung, phân phối, dịch vụ khách hàng, vận chuyển, kho hàng và trung tâm phân phối… của doanh nghiệp/ tổ chức.

(PLO7): Biết thực hiện các kỹ năng tổ chức và quản lý theo nhiệm vụ được phân công; làm việc theo nhóm; lập báo cáo, trình diễn vấn đề; kỹ năng giao tiếp và truyền thông tốt.

***3.3. Yêu cầu về mức độ tự chủ và trách nhiệm***

Người học tốt nghiệp CTĐT chuyên ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng có khả năng tự chủ và tự chịu trách nhiệm như sau:

(PLO8): Có năng lực tự phân tích, đánh giá và tự đưa ra các kết luận về vấn đề chuyên

môn, cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

(PLO9): Có năng lực tự học tập, tích lũy và cập nhật kiến thức và kinh nghiệm; năng lực tự định hướng và thích nghi với môi trường làm việc khác nhau.

(PLO10): Có ý thức vượt khó, phấn đấu vươn lên trong trong thực hiện các nhiệm vụ; có tinh thần khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

(PLO11): Có ý thức và thực hiện nghiêm chỉnh, chấp hành kỷ luật và tích cực tham gia các hoạt động tập thể của doanh nghiệp/tổ chức.

***3.4. Yêu cầu về ngoại ngữ và tin học***

(PLO12): Đạt chuẩn Tiếng Anh trình độ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Quy định chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại.

(PLO13): Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Quy định về yêu cầu chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại.

**4. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 131 tín chỉ** (trong đó: 120 tín chỉ học tập và tốt nghiệp, 11 tín chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh). Ngoài ra, Trường còn cung cấp cho người học kiến thức Nhập môn Internet & Elearning trước khi người học được đào tạo các học phần chính khóa.

**5. Đối tượng tuyển sinh:** Theo Quy chế tuyển sinh đại học và Đề án tuyển sinh đại học của Trường Đại học Thương mại.

**6. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp:** Theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Trường Đại học Thương mại về đào tạo từ xa trình độ đại học.

**7. Phương thức đánh giá:** Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ, được quy định cụ thể trong quy định về hoạt động khảo thí đối với hình thức đào tạo từ xa của Trường Đại học Thương mại.

**8. Nội dung chương trình đào tạo**

***8.1. Khung chương trình đào tạo***

| STT | Khối kiến thức và các học phần | Mã HP | Số TC | Cấu trúc |
|---|---|---|---|---|
| **1** | **KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG** | | **40 TC** | |
| **1.1.** | **Giáo dục đại cương** | | **29** | |
| ***1.1.1*** | ***Các học phần bắt buộc*** | | ***27*** | |
| 1 | Triết học Mác - Lênin | TXMLNP0221 | 3 | 36,18 |
| 2 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | TXHCMI0121 | 2 | 24,12 |
| 3 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | TXHCMI0111 | 2 | 24,12 |
| 4 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin | TXRLCP1211 | 2 | 24,12 |
| 5 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | TXHCMI0131 | 2 | 21,18 |
| 6 | Pháp luật đại cương | TXTLAW0111 | 2 | 24,12 |
| 7 | Tiếng Anh 1 | TXENTH1411 | 2 | 24,12 |
| 8 | Tiếng Anh 2 | TXENTH1511 | 2 | 24,12 |

| STT | Khối kiến thức và các học phần | Mã HP | Số TC | Cấu trúc |
|---|---|---|---|---|
| 9 | Tiếng Anh 3 | TXENTH1611 | 2 | 24,12 |
| 10 | Toán đại cương | TXAMAT1011 | 3 | 36,18 |
| 11 | Tin học quản lý | TXINFO0311 | 3 | 36,18 |
| 12 | Phương pháp nghiên cứu khoa học | TXSCRE0111 | 2 | 24,12 |
| ***1.1.2*** | ***Các học phần tự chọn*** | | **2** | |
| | *Chọn 2 TC trong các HP sau:* | | | |
| 1 | Thực hành khai thác dữ liệu trên mạng Internet | TXECOM2111 | 2 | 0,60 |
| 2 | Chuyển đổi số trong kinh doanh | TXPCOM1111 | 2 | 24,12 |
| **1.2** | **Giáo dục thể chất** | | **3** | |
| ***1.2.1*** | ***Các học phần bắt buộc*** | | | |
| 1 | Giáo dục thể chất chung | TXGDTC1611 | 1 | 12,18 |
| ***1.2.2*** | ***Các học phần tự chọn (Chọn 2 TC trong các HP sau)*** | | | |
| 1 | Bóng ném | TXGDTC0721 | 1 | 12,18 |
| 2 | Bóng chuyền | TXGDTC0621 | 1 | 12,18 |
| 3 | Cầu lông | TXGDTC0521 | 1 | 12,18 |
| 4 | Bóng bàn | TXGDTC1621 | 1 | 12,18 |
| 5 | Cờ vua | TXGDTC0921 | 2 | 24,36 |
| 6 | Bóng rổ | TXGDTC0821 | 1 | 12,18 |
| 7 | Thể dục thẩm mỹ 1 | TXGDTC1811 | 1 | 12,18 |
| 8 | Thể dục thẩm mỹ 2 | TXGDTC1911 | 1 | 12,18 |
| **1.3** | **Giáo dục Quốc phòng - An ninh** | | **8** | |
| **2** | **KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP** | | **91 TC** | |
| **2.1.** | **Kiến thức cơ sở ngành** | | **30** | |
| ***2.1.1.*** | ***Các học phần bắt buộc*** | | ***19*** | |
| 1 | Kinh tế vĩ mô 1 | TXMAEC0111 | 3 | 36,18 |
| 2 | Kinh tế vi mô 1 | TXMIEC0111 | 3 | 36,18 |
| 3 | Quản trị học | TXBMGM0111 | 3 | 36,18 |
| 4 | Marketing căn bản | TXBMKT0111 | 3 | 36,18 |
| 5 | Nhập môn logistics và quản lý chuỗi cung ứng | TXBLOG3011 | 3 | 36,18 |
| 6 | Tiếng Anh Thương mại 1 | TXENTI3311 | 2 | 24,12 |
| 7 | Tiếng Anh Thương mại 2 | TXENTI3411 | 2 | 24,12 |
| ***2.1.2*** | ***Các học phần tự chọn*** | | **11** | |
| | *Chọn 11 TC trong các HP sau:* | | | |
| 1 | Hành vi khách hàng | TXBMKT3811 | 3 | 36,18 |

| STT | Khối kiến thức và các học phần | Mã HP | Số TC | Cấu trúc |
|---|---|---|---|---|
| 2 | Nguyên lý thống kê | TXANST0211 | 3 | 36,18 |
| 3 | Luật kinh tế 1 | TXPLAW0321 | 3 | 36,18 |
| 4 | Kinh doanh quốc tế | TXITOM1311 | 3 | 36,18 |
| 5 | Nguyên lý kế toán | TXFACC 0111 | 3 | 36,18 |
| 6 | Nhập môn tài chính tiền tệ | TXEFIN2811 | 3 | 36,18 |
| 7 | Khởi sự kinh doanh | TXCEMG4111 | 2 | 24,12 |
| 8 | Quản trị rủi ro | TXBMGM0411 | 2 | 24,12 |
| **2.2.** | **Kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành)** | | **39** | |
| ***2.2.1.*** | ***Các học phần bắt buộc*** | | ***27*** | |
| | *Kiến thức ngành* | | *15* | |
| 1 | Marketing B2B | TXMAGM0721 | 3 | 36,18 |
| 2 | Quản trị chất lượng | TXQMGM0911 | 3 | 36,18 |
| 3 | Quản trị chiến lược | TXSMGM0111 | 3 | 36,18 |
| 4 | Quản trị logistics kinh doanh | TXBLOG1511 | 3 | 36,18 |
| 5 | Quản trị chuỗi cung ứng | TXBLOG2011 | 3 | 36,18 |
| | *Kiến thức chuyên ngành* | | *12* | |
| 1 | Mua và quản trị nguồn cung | TXBLOG3041 | 3 | 36,18 |
| 2 | Logistics trong thương mại điện tử* | TXBLOG3221 | 3 | 34,12,5 |
| 3 | Quản lý kho và trung tâm phân phối* | TXBLOG3121 | 3 | 34,12,5 |
| 4 | Quản trị giao nhận và vận chuyển hàng hóa quốc tế | TXITOM1511 | 3 | 36,18 |
| ***2.2.2.*** | ***Các học phần tự chọn*** | | ***12*** | |
| | *Chọn 12 TC trong các HP sau:* | | | |
| 1 | Thống kê kinh doanh | TXANST1211 | 3 | 36,18 |
| 2 | Logistics quốc tế | TXBLOG3051 | 3 | 36,18 |
| 3 | Quản trị dự án | TXCEMG2711 | 3 | 36,18 |
| 4 | Luật thương mại quốc tế | TXPLAW3111 | 3 | 36,18 |
| 5 | Marketing quốc tế | TXMAGM0211 | 3 | 36,18 |
| 6 | Quản trị sản xuất | TXCEMG4211 | 3 | 36,18 |
| 7 | Quản trị Tác nghiệp thương mại quốc tế | TXITOM0511 | 3 | 36,18 |
| 8 | Quản trị bán hàng | TXCEMG2621 | 3 | 36,18 |
| **2.3.** | **Kiến thức bổ trợ** | | **12** | |
| ***2.3.1.*** | ***Các học phần bắt buộc*** | | ***6*** | |
| 1 | Quản trị thương hiệu 1 | TXBRMG2011 | 3 | 36,18 |
| 2 | Thương mại điện tử căn bản | TXPCOM0111 | 3 | 36,18 |
| ***2.3.2.*** | ***Các học phần tự chọn*** | | ***6*** | |
| | *Chọn 6 TC trong các HP sau:* | | | |
| 1 | Pháp luật hợp đồng | TXBLAW3511 | 3 | 36,18 |

| STT | Khối kiến thức và các học phần | Mã HP | Số TC | Cấu trúc |
|---|---|---|---|---|
| 2 | Quản trị nhân lực căn bản | TXCEMG0111 | 3 | 36,18 |
| 3 | Marketing thương mại điện tử | TXSMGM0511 | 3 | 36,18 |
| 4 | Hệ thống thông tin quản lý | TXECIT0311 | 3 | 36,18 |
| **2.4** | **Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học** | | **10** | |
| ***2.4.1*** | ***Thực tập và viết Báo cáo thực tập tổng hợp*** | TXREPC1511 | 3 | 0,90 |
| ***2.4.2*** | ***Thực tập và viết Khoá luận tốt nghiệp*** | TXLVVC1911 | 7 | 0,210 |

***Ghi chú:***

*Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu toàn khóa học: 131 tín chỉ với 120 tín chỉ học tập và tốt nghiệp, 11 tín chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh. Trong 120 tín chỉ học tập và tốt nghiệp có 89 tín chỉ bắt buộc và 31 tín chỉ tự chọn.*

*Các học phần có dấu * là học phần có tổ chức báo cáo thực tế.*

***8.2. Mô tả các học phần (có phụ lục đính kèm)***

**9. Hướng dẫn thực hiện chương trình (dự kiến)**

| TT | Kỳ học | Học phần | Số TC |
|---|---|---|---|
| 1 | KỲ I | Khối kiến thức GDĐC | 14-17 TC |
| | | Khối kiến thức cơ sở ngành | 03 TC |
| | | **Tổng cộng** | **16-17 TC** |
| 2 | KỲ II | Khối kiến thức GDĐC | 03-05 TC |
| | | Khối kiến thức cơ sở ngành | 11-13 TC |
| | | Giáo dục thể chất | 01 TC |
| | | **Tổng cộng** | **16-17 TC** |
| 3 | NĂM NHẤT | **Giáo dục Quốc phòng – An ninh** | **08 TC** |
| 4 | KỲ III | Khối kiến thức GDĐC | 04-06 TC |
| | | Khối kiến thức cơ sở ngành | 09-12 TC |
| | | Giáo dục thể chất | 02 TC |
| | | **Tổng cộng** | **16-17 TC** |
| 5 | KỲ IV | Khối kiến thức GDĐC | 2-4 TC |
| | | Khối kiến thức cơ sở ngành | 2-4 TC |
| | | Khối kiến thức ngành, chuyên ngành | 09-12 TC |
| | | Khối kiến thức bổ trợ | 0-03 TC |
| | | **Tổng cộng** | **15-17 TC** |
| 6 | KỲ V | Khối kiến thức GDĐC | 2-4 TC |
| | | Khối kiến thức cơ sở ngành | 02 TC |
| | | Khối kiến thức ngành, chuyên ngành | 09-12 TC |
| | | Khối kiến thức bổ trợ | 0-03 TC |
| | | **Tổng cộng** | **15-17 TC** |
| 7 | KỲ VI | Khối kiến thức cơ sở ngành | 0-02 TC |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | Khối kiến thức bổ trợ | 0-03 TC |
| | | **Tổng cộng** | **15-17 TC** |
| 7 | KỲ VI | Khối kiến thức cơ sở ngành | 0-02 TC |
| | | Khối kiến thức ngành, chuyên ngành | 09-12 TC |
| | | Khối kiến thức bổ trợ | 03-06 TC |
| | | **Tổng cộng** | **15-17 TC** |
| 8 | KỲ VII | Khối kiến thức ngành, chuyên ngành | 09-12 TC |
| | | Khối kiến thức bổ trợ | 03-06 TC |
| | | **Tổng cộng** | **15-17 TC** |
| 9 | KỲ VIII | Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học | **10TC** |
| | **TỔNG CỘNG** | | **131TC** |

***Lưu ý:***

- Kế hoạch đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo là 4 năm. Sinh viên có thể học theo tiến độ nhanh để tốt nghiệp sớm so với kế hoạch đào tạo chuẩn hoặc tốt nghiệp muộn nhưng không quá thời gian đào tạo tối đa theo quy định.
- Mỗi năm học có 2 học kỳ chính, mỗi học kỳ chính 15 tuần (trừ học kỳ đầu của khóa học). Ngoài các học kỳ chính, Trường có thể tổ chức thêm học kỳ phụ.
- Phương thức đào tạo theo tín chỉ.
- Trong hai học kỳ đầu của khóa học, sinh viên được đăng ký học tập mặc định; Từ học kỳ thứ 3 trở đi, sinh viên tự đăng ký học tập theo kế hoạch giảng dạy của Trường.
- Khối lượng kiến thức và cách đánh giá học phần được quy định trong đề cương chi tiết của mỗi học phần.
- Điều kiện tốt nghiệp: Sinh viên tích lũy đủ khối lượng kiến thức của chương trình đào tạo; đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, công nghệ thông tin; có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng -An ninh; hoàn thành chương trình Giáo dục thể chất và các quy định khác của Trường.

| | |
|---|---|
| **TRƯỞNG KHOA** | **HIỆU TRƯỞNG** |
| **TS Nguyễn Duy Đạt** | **PGS. TS. Nguyễn Hoàng** |

**Phụ lục 1: Mô tả các học phần trong chương trình đào tạo**

**I. Khối kiến thức giáo dục đại cương**

***1.1 Giáo dục đại cương***

1.1.1 Các học phần bắt buộc

*Triết học Mác – Lênin:* Học phần Triết học Mác-Lênin gồm 3 chương: Chương I trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

*Chủ nghĩa xã hội khoa học:* Học phần gồm 7 chương với những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học: Vấn đề sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội, về dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa, liên minh giai cấp và các vấn đề xã hội (dân tộc, tôn giáo, gia đình). Thông qua đó, người học có nhận thức đúng đắn để thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và Nhà nước ta.

*Tư tưởng Hồ Chí Minh:* Học phần bao gồm 6 chương, trong đó, chương 1 giới thiệu về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh. Tiếp theo, từ chương 2 đến chương 6, giới thiệu khái quát về những nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

*Kinh tế chính trị Mác Lênin:* Nghiên cứu hàng hóa, tiền tệ, thị trường và các quy luật thị trường chi phối sản xuất và trao đổi hàng hóa. Đồng thời thấy được vai trò của các chủ thể tham gia thị trường. Giới thiệu giúp người học năm được bản chất và quá trình sản xuất giá trị thặng dư, sự lớn lên của tư bản và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trưởng (phân chia giá trị thặng dư). Người học nghiên cứu về quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Định hướng cho người học nghiên cứu và hiểu được kinh tế thị trường, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. Nghiên cứu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập nghiên cứu và công tác của mình.

*Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam:* Học phần trình bày khái quát đối tượng. chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản

Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến , hoàn thành giải phóng dân tộc , thống nhất đất nước ( 1945-1975 ), lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới ( 1975-2018 ) . Qua đó, khẳng định những thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và những bài học về sự lãnh đạo của Đảng.

*Pháp luật đại cương:* Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, đặc điểm, Bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; nguồn gốc, bản chất, đặc điểm, các mối quan hệ của pháp luật; cơ cấu quy phạm pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật; các thành phần quan hệ pháp luật và căn cứ làm phát sinh quan hệ pháp luật; các hình thức pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; yếu tố cấu thành hành vi vi phạm pháp luật và các loại trách nhiệm pháp lý; một số nội dung cơ bản của Luật dân sự như: giao dịch dân sự, chế định quyền sở hữu, chế định quyền thừa kế; một số nội dung cơ bản của Luật hành chính như: đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh, đặc điểm và các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật hành chính, phân biệt Luật hành chính với một số ngành luật khác; một số nội dung cơ bản của Luật Hình sự như: chế định về Tội phạm, Chế định về hình phạt và các chế định khác. Trong chương trình học còn đề cập đến các nội dung quan trọng liên quan đến Luật Phòng chống tham nhũng bao gồm : Khái niệm, đặc điểm và các hành vi tham nhũng, nguyên nhân và tác hại của tham nhũng, ý nghĩa tầm quan trọng của công tác phòng chống tham nhũng, trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng.

*Tiếng Anh 1:* Tiếng Anh 1.1 gồm 8 bài đầu của giáo trình Market Leader, giới thiệu những tình huống thường gặp trong kinh doanh như tự giới thiệu bản thân, giới thiệu về công việc và sở thích, giải quyết những vấn đề thường gặp trên điện thoại, cách thức đặt chỗ, đặt vé tàu, vé máy bay, cách thức gọi món ăn trong nhà hàng, thực hiện một bài nói giới thiệu sản phẩm, cách thức giải quyết những vấn đề cơ bản, cách thức tham gia các cuộc thảo luận nhỏ.v.v... Ngoài ra, học phần cũng giới thiệu và giúp sinh viên thực hành một số hiện tượng ngữ pháp Tiếng Anh cơ bản.

*Tiếng Anh 2:* Tiếng Anh 1.2 giúp sinh viên tiếp tục làm quen với ngôn ngữ Anh văn trong môi trường thương mại qua giáo trình Market Leader pre-intermediate (bài 1, 2, 3, 5). Học phần giới thiệu những tình huống thường gặp trong kinh doanh như giao tiếp trên điện thoại, giao tiếp trên bàn đàm phán, thực hiện một bài thuyết trình về công ty, bày tỏ ý kiến của bản thân về một vấn đề, thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội.vv…Ngoài ra học phần còn giới thiệu một số yếu tố khác như ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh.

*Tiếng Anh 3:* Học phần Tiếng Anh 3 được xây dựng dựa trên cuốn Market Leader – Pre-Intermediate (old edition và new edition), gồm 6 bài (units), cung cấp nội dung kiến thức liên quan đến lĩnh vực Tiếng Anh chuyên ngành thương mại như 'lên kế hoạch công việc', 'quản lý nguồn nhân lực', 'giải quyết xung đột, 'thành lập doanh nghiệp mới', 'marketing và sản phẩm', v.v...Mỗi bài học được chia nhỏ thành các mục: Khởi động, Nghe, Đọc, Từ vựng, Ngữ pháp và Bài tập thực hành với tiêu chí chính là phát triển 4 kỹ năng thực hành ngôn ngữ cho sinh viên. Hơn nữa, học phần Tiếng Anh 3 còn cung cấp cho sinh viên lượng từ vựng lớn liên quan đến chuyên ngành kinh tế thương mại. Mục tiêu chính của học phần này là hỗ trợ phát triển các kỹ năng cho sinh viên để ứng dụng tốt trong học tập, nghiên cứu và công việc sau này.

*Toán đại cương:* Học phần cung cấp một số kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính và Giải tích: Ma trận, hệ phương trình, vector, các phép toán vi phân và tích phân của hàm một biến và hàm biển. Bên cạnh đó, học phần cung cấp kiến thức cơ bản về Xác suất và Thống kê: Khái niệm cơ bản về xác suất, các phân phối xác suất thường gặp, lý thuyết về mẫu, bài toán ước lượng tham số và bài toán kiểm định tham số.

*Tin học quản lý:* Là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương đối với sinh viên chuyên ngành Quản trị HTTT, cung cấp các kiến thức cơ bản và nền tảng cho việc nghiên cứu và học tập các học phần chuyên ngành như: cơ sở lập trình, cơ sở dữ liệu .... Ngoài ra đây là học phân phục vụ cho việc quản lý và sử dụng các kỹ năng cơ bản của máy tính để đáp ứng cho công việc, cũng như đáp ứng chuẩn đầu ra của trường. Đồng thời còn củng cố các kiến thức cho các môn học chuyên ngành. Học phần bao gồm các khối kiến thức đại cương về máy tính điện tử, về hệ điều hành (MS Windows), hệ soạn thảo văn bản (Microsoft Word), Trình diễn văn bản (PowerPoint) , Bằng tính điện tử ( Microsoft Excel ) và mạng máy tính.

*Phương pháp nghiên cứu khoa học:* Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các chương trình đào tạo hệ chính quy các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thiết kế nghiên cứu và thực hiện tổng quan nghiên cứu, cách thức thu thập và phân tích dữ liệu theo các phương pháp nghiên cứu phù hợp, cách thức soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu. Hoàn thành học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, có thể độc lập và hợp tác trong triển khai nghiên cứu khoa học.

1.1.2 Các học phần tự chọn

*Thực hành khai thác dữ liệu trên mạng Internet:* Học phần Thực hành khai thác dữ liệu trên mạng Internet là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của Ngành Thương mại điện tử (TMĐT) và chuyên ngành Quản trị TMĐT. Học phần cung cấp các kỹ năng chuyên sâu trong sử dụng công cụ tìm kiếm với các kỹ thuật, câu lệnh,

cú pháp chủ yếu cho người dùng khai thác dữ liệu trên Internet, sao cho việc tìm kiếm các thông tin theo yêu cầu được thực hiện một cách chính xác và tổng hợp thông tin một cách nhanh chóng mà không phải loại bỏ những kết quả tìm kiếm không phù hợp. Học phần cung cấp cho người học kỹ năng sử dụng 6 loại máy tìm kiếm thông dụng nhất hiện nay trên thế giới : Google, Facebook Graph Search, Facebook Trends, Yahoo, ODP, Gigablast, Bing, AOL.

*Chuyển đổi số trong kinh doanh:* Học phần cung cấp kiến thức căn bản về chuyển đổi số trong kinh doanh bao gồm khái niệm, phân biệt chuyển đổi số với các thuật ngữ khác như số hóa, số hóa hoạt động, công nghệ số, ứng dụng CNTT, đặc điểm chuyển đổi số, hệ sinh thái của chuyển đổi số, các giai đoạn chuyển đổi số, quy trình chuyển đổi số trong kinh doanh, giới thiệu khái quát về một số nền tảng hạ tầng số quan trọng trong chuyển đổi số và một số vấn đề khác của chuyển đổi số trong kinh doanh.

**1.2 Giáo dục thể chất**

1.2.1 Các học phần bắt buộc

*Giáo dục thể chất chung:* Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về giáo dục thể chất, cách phòng ngừa chấn thương,kiểm tra đánh giá thể lực trong tập luyện TDTT, phương pháp rèn luyện thể chất.

1.2.2 Các học phần tự chọn

*Bóng ném:* Cung cấp những nguyên lý và kỹ thuật cơ bản của môn Bóng ném, hình thành thói quen tự giác, tích cực tập luyện.

*Bóng chuyền:* Cung cấp những nguyên lý và kỹ thuật cơ bản của môn Bóng chuyền và hình thành thơi quen tự giác, tích cực tập luyện môn bóng chuyền.

*Cầu lông:* Trang bị một số kiến thức và kỹ thuật cơ bản về môn Cầu lông, từ đó sinh viên có thể sử dụng làm phương tiện rèn luyện thân thể hoặc để có thể chơi được môn Cầu lông, cải thiện cuộc sống tinh thần.

*Bóng bàn:* Trang bị một số kiến thức và kỹ thuật cơ bản về môn Bóng bàn, từ đó sinh viên có thể sử dụng làm phương tiện rèn luyện thân thể.

*Cờ vua:* Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về cờ Vua, môn thể thao có tác dụng phát triển tư duy logic, luyện trí thông mình, tính tổ chức kỷ luật, rèn luyện cách làm việc có kế hoạch, tính quyết đoán và táo bạo trong xử lý tình huống.

*Bóng rổ:* Trang bị một số kiến thức và kỹ thuật cơ bản về môn Bóng rổ, sinh viên có thể sử dụng làm phương tiện rèn luyện thân thể, cải thiện cuộc sống tinh thần.

*Thể dục thẩm mỹ 1*

*Thể dục thẩm mỹ 2*

**II. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp**

***2.1 Kiến thức cơ sở ngành***

2.1.1 Các học phần bắt buộc

*Kinh tế vĩ mô 1:* Học phần giới thiệu kiến thức cơ bản của kinh tế vĩ mô, trước hết là phần khái quát về kinh tế vĩ mô, hạch toán thu nhập quốc dân, tiếp theo là các phân tích về tổng cầu và chính sách tài khóa, tiền tệ và chính sách tiền tệ, tác động của hai chính sách kinh tế vĩ mô trung tâm là chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ tới giá cả, sản lượng và việc làm. Tiếp theo, học phần giới thiệu về chu kỳ kinh tế, thất nghiệp và lạm phát và cuối cùng là giới thiệu về kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở.

*Kinh tế vi mô 1:* Học phần giới thiệu tổng quan về kinh tế vi mô, những vấn đề cơ bản của thị trường như cung - cầu và giá cả thị trường; học phần đi sâu phân tích lý thuyết về hành vi người tiêu dùng và hành vi của doanh nghiệp trong các cấu trúc thị trường khác nhau; nghiên cứu về thị trường các yếu tố của sản xuất của doanh nghiệp.

*Quản trị học:* Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau : Khái niệm và bản chất của quản trị, môi trường quản trị, các lý thuyết quản trị. Nhà quản trị và vai trò của nhà quản trị, các cấp bậc nhà quản trị, các kỹ năng và trách nhiệm xã hội của nhà quản trị. Thông tin quản trị và ra quyết định quản trị. Kiến thức chuyên sâu về các chức năng của quản trị, bao gồm : chức năng hoạch định, chức năng tổ chức, chức năng lãnh đạo, chức năng kiểm soát.

*Marketing căn bản:* Ngoài nội dung khái quát giới thiệu bản chất và các quan điểm tiếp cận marketing, học phần tập trung giới thiệu hai khối kiến thức căn bản về marketing. Một là, hiểu biết về môi trường marketing, thị trường, hành vi mua của khách hàng và hệ thống thông tin marketing; hai là: nguyên lý ứng xử cơ bản của marketing nhằm cung cấp những lợi ích và giá trị cho khách hàng, trong đó có chiến lược marketing và ứng xử marketing –mix (4Ps) với các chính sách: sản phẩm; giá; phân phối và xúc tiến phù hợp với thị trường mục tiêu. Học phần cũng mở ra những triển vọng cho việc áp dụng và phát triển tư duy marketing hiện đại trong thế kỉ 21.

*Nhập môn logistics và quản trị chuỗi cung ứng:* Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng và tiền đề về sự phát triển và các cơ hội của ngành logistics và quản trị chuỗi cung ứng. Học phần trình bày về sự ra đời, phát triển, các trường phái logistics và quản trị chuỗi cung ứng trên thế giới. Học phần cũng giới thiệu nguyên tắc chung, cách thức tiếp cận, khung định hướng và các vấn đề cơ bản trong quản trị logistics và chuỗi cung ứng tại doanh nghiệp, đồng thời khái quát một số xu thế phát triển của ngành logistics và chuỗi cung ứng và làm rõ các tiêu chuẩn với nguồn nhân lực logistics và chuỗi cung ứng tại doanh nghiệp hiện nay.

*Tiếng Anh thương mại 1:* Học phần gồm 2 chương và được chia nhỏ thành 10 bài học nhỏ, chủ yếu cung cấp cho sinh viên kiến thức Tiếng Anh chuyên ngành thương mại về các chủ đề: 'Văn hóa doanh nghiệp' và 'Hỗ trợ khách hàng', qua đó sinh viên có thể hiểu rõ được những nét văn hoá của doanh nghiệp, những quy tắc hay luật bất thành văn trong doanh nghiệp và cách chăm sóc khách hàng trong kinh doanh.

*Tiếng Anh thương mại 2:* Học phần gồm 2 chương được chia nhỏ thành 10 bài học với các chủ đề liên quan đến chuyên ngành thương mại. Chương I đề cập đến phát triển sự nghiệp cá nhân và chương II cung cấp kiến thức về công nghệ thông tin. Ngoài ra, học phần cũng giúp sinh viên ôn tập lại các thì của động từ cũng như các dạng so sánh trong tiếng Anh. Trong suốt 10 bài học, sinh viên có cơ hội được rèn luyện kỹ năng nói về các vấn đề như: trình bày lý do trong buổi phỏng vấn xin việc, cách nói chuyện phiếm khi đàm thoại qua điện thoại, học cách viết thư xin việc và thư báo.

2.1.2 Các học phần tự chọn

*Hành vi khách hàng:* Ngoài nội dung khái quát giới thiệu bản chất và các quan điểm tiếp cận, học phần tập trung giới thiệu hai khối kiến thức căn bản: Thứ nhất, phân tích các đặc điểm và hành vi mua của các khách hàng là người tiêu dùng bao gồm các vấn đề về nhận thức, học tập, động cơ, thái độ, và sự ảnh hưởng của văn hóa - xã hội đến hành vi mua và qui trình quyết định mua; Thứ hai, khái quát chung về khách hàng tổ chức (loại hình, đặc điểm và qui trình quyết định mua của các khách hàng tổ chức) và các bậc hành vi của khách hàng tổ chức.

*Nguyên lý thống kê:* Nội dung học phần cung cấp cho người học những lý luận cơ bản về khoa học thống kê, các phương pháp thống kê bao gồm: Phương pháp thu thập và xử lý dữ liệu; Các phương pháp tính toán các chỉ tiêu đo lường hiện tượng kinh tế xã hội, phương pháp phân tích mối liên hệ, phân tích biến động của hiện tượng theo thời gian, không gian và các phương pháp dự đoán thống kê.

*Luật kinh tế 1:* Học phần nghiên cứu những vấn đề pháp lý chung về chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh và đi sâu nghiên cứu bản chất pháp lý về các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể và tổ hợp tác. Học phần cũng tập trung nghiên cứu những vấn đề chung về thành lập, tổ chức lại và phá sản của các chủ thể kinh doanh. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành cũng như những học phần có tính chuyên sâu khác trong các chương trình đào tạo và giúp cho người học đạt được mục tiêu của các chương trình đào tạo.

*Kinh doanh quốc tế:* Học phần cung cấp cho người học những kiến thức tổng quan về kinh doanh quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa, môi trường kinh doanh quốc tế và ảnh hưởng của những yếu tố thuộc môi trường kinh doanh đến hoạt động kinh doanh quốc tế của doanh nghiệp. Học phần cũng cung cấp những kiến thức liên quan chiến lược kinh doanh quốc tế, mô hình cấu trúc tổ chức của các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế và các phương thức thâm nhập thị trường trong kinh doanh quốc tế.

*Nguyên lý kế toán:* Học phần nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về kế toán như: bản chất, chức năng, nhiệm vụ của kế toán, nội dung đối tượng của kế toán, các phương pháp kế toán: chứng từ, tài khoản, tính giá, tổng hợp và cân đối kế toán, sổ kế

toán và hình thức kế toán và vận dụng trong kế toán các hoạt động chủ yếu của đơn vị kế toán.

*Nhập môn tài chính tiền tệ:* Học phần đề cập một cách có hệ thống các kiến thức cơ bản về tài chính, tiền tệ và hệ thống tài chính quốc gia trong nền kinh tế thị trường; giới thiệu nội dung hoạt động của các khâu trong hệ thống tài chính như: Ngân sách Nhà nước, Tài chính doanh nghiệp, Bảo hiểm, Tín dụng; đề cập đến hình thức tổ chức và nội dung hoạt động của các định chế tài chính trung gian và ngân hàng trung ương, cấu trúc và vận hành thị trường tài chính, các vấn đề về tài chính quốc tế. Bên cạnh đó học phần còn đề cập đến các lý thuyết về cung cầu tiền tệ, lạm phát, lãi suất, chính sách tài chính quốc gia.

*Khởi sự kinh doanh:* Học phần cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức tổng quan, kết hợp đa dạng nhiều kỹ năng về khởi sự kinh doanh. Học phần khởi sự kinh doanh bao gồm các nội dung cơ bản: tổng quan về khởi sự kinh doanh; tìm kiếm và đánh giá ý tưởng kinh doanh; lập kế hoạch kinh doanh về bán hàng, marketing; lập kế hoạch về sản xuất, vận hành; lập kế hoạch về nhân sự ; lập kế hoạch về tài chính và điều hành hoạt động kinh doanh mới.

*Quản trị rủi ro:* Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Khái niệm, các đặc trưng và phân loại rủi ro. Khái niệm, các nguyên tắc, nội dung của quản trị rủi ro. Kiến thức chuyên sâu về các nội dung của quản trị rủi ro bao gồm: Nhận dạng và phân tích rủi ro ; Kiểm soát và tài trợ rủi ro. Vận dụng quản trị rủi ro trong nhận dạng và phân tích rủi ro nhân lực, rủi ro tài sản của doanh nghiệp, đưa ra các biện pháp kiểm soát và tài trợ rủi ro nhân lực, rủi ro tài sản của doanh nghiệp.

***2.2 Khối kiến thức ngành (bao gồm chuyên ngành)***

2.2.1 Các học phần bắt buộc:

*Kiến thức ngành*

*Marketing B2B:* Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản và nội dung hoạt động marketing B2B; trong đó tập trung phân định sự khác biệt giữa marketing B2B với marketing B2C. Đồng thời làm rõ hành vi mua của khách hàng tổ chức để phân đoạn thị trường B2B, xác lập chiến lược marketing, phát triển marketing-mix (nhấn mạnh những khái cạnh đặc trưng khác biệt trong quyết định các biến số marketing B2B với marketing B2C) và phát triển, quản trị mối quan hệ B2B. Học phần còn bao hàm các bài tập và tình huống cụ thể nhằm rèn luyện các kỹ năng điều tra khảo sát, phân tích hiện trạng và các giải pháp ứng xử trong thực tiễn kinh doanh hiện nay.

*Quản trị chất lượng:* Chất lượng được coi là yếu tố then chốt quyết định lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp. Quản trị chất lượng hiệu quả cũng là hoạt động chính để xây dựng và phát triển thương hiệu. Đây là học phần thuộc khối kiến thức ngành của chương trình đào tạo các ngành quản trị kinh doanh và marketing. Với 8 chương, học

phần cung cấp những kiến thức nền tảng và các quan điểm hiện đại về chất lượng và quản trị chất lượng như: các khái niệm về chất lượng và quản trị chất lượng; các yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng; đo lường, tính toán chi phí chất lượng; mối quan hệ giữa chất lượng, năng suất và khả năng cạnh tranh của tổ chức; các hoạt động quản trị chất lượng trong tổ chức; các mô hình, phương pháp và công cụ quản trị chất lượng hiện đại, và quản lý nhà nước về chất lượng. Các kỹ năng mà người học có thể rèn luyện được trong suốt quá trình nghiên cứu học phần bao gồm: Kỹ năng lập kế hoạch chất lượng; kỹ năng phân tích, đo lường và đánh giá hệ thống quản trị chất lượng; kỹ năng sử dụng các công cụ và kỹ thuật kiểm soát chất lượng; kỹ năng làm việc theo nhóm....

*Quản trị chiến lược:* Với mục đích cung cấp một hệ thống kiến thức tổng quan và hàn lâm về quản trị chiến lược của doanh nghiệp trong bối cảnh kinh doanh hiện đại, học phần Quản trị chiến lược được kết cấu theo quy trình 3 giai đoạn với 7 chương. Giai đoạn Hoạch định chiến lược trình bày các khái niệm cơ bản, mô hình và các nội dung về tầm nhìn chiến lược, sứ mạng kinh doanh và mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp; phân tích môi trường chiến lược, nghiên cứu các loại hình chiến lược và các công cụ nhằm xây dựng và lựa chọn các phương án chiến lược phù hợp nhất với tình thế chiến lược của doanh nghiệp. Giai đoạn Thực thi chiến lược làm sáng tỏ bản chất và phân định sự khác biệt giữa thực thi và hoạch định chiến lược, các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình triển khai chiến lược của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, quy trình triển khai chiến lược cũng được làm rõ, với các hoạt động cơ bản gồm: thiết lập mục tiêu hàng năm, xây dựng các chính sách, phân bổ các nguồn lực, tái cấu trúc tổ chức, phát huy văn hóa doanh nghiệp và lãnh đạo chiến lược. Giai đoạn Kiểm tra và đánh giá chiến lược cung cấp các tiêu chí, quy trình và khung đánh giá chiến lược, đồng thời thiết lập các quy tắc chỉ đạo kiểm tra chiến lược giúp nhà lãnh đạo thực hiện tốt nhiệm vụ này.

*Quản trị logistics kinh doanh:* Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về hoạt động logistics như một hợp phần quan trọng của hệ thống kinh doanh tại doanh nghiệp trong xu hướng toàn cầu hóa. Bằng phương pháp tiếp cận quản trị theo quá trình, từ lập kế hoạch tới tổ chức, kiểm tra đánh giá các nỗ lực logistics, học phần cung cấp một các khái quát các bước trong tiến trình ứng dụng logistics tại doanh nghiệp. Bên cạnh đó, các hoạt động logistics cơ bản như dịch vụ khách hàng, dự trữ, vận chuyển, mua hàng, đóng gói, bảo quản, logistics ngược... được kết nối thành một chuỗi liên kết nhằm nhấn mạnh vào tương quan phối hợp, hỗ trợ và bản chất tích hợp của các hoạt động này và hướng tới mục tiêu tối ưu hóa các dòng cung ứng nguyên liệu, sản phẩm tại doanh nghiệp. Với cấu trúc thiết kế này, học phần mong muốn cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức đồng bộ và khả năng tư duy kết nối linh hoạt các hoạt động logistics trong một hệ thống và hướng tới sự phát triển mạnh mẽ của lý thuyết quản trị logistics trong kinh doanh hiện đại.

*Quản trị chuỗi cung ứng:* Học phần cung cấp kiến thức tổng quan về hoạt động quản trị chuỗi cung ứng trong môi trường kinh doanh toàn cầu hóa, được kết cấu theo 3 nội dung chính của kiến thức quản trị chuỗi cung ứng hiện đại và kết nối thành 6 chương. Mục tiêu của quản trị chuỗi cung ứng là tối đa hoá giá trị cho toàn hệ thống, cho từng thành viên tham gia chuỗi và cung cấp giá trị gia tăng tới khách hàng. Các quyết định trong quản trị chuỗi cung ứng có thể mang tính chiến lược, kế hoạch hoặc tác nghiệp. Các quyết định chiến lược liên quan đến quá trình thiết kế và định dạng chuỗi cung ứng. Các quyết định này có tác động dài hạn và bao gồm quyết định về mức độ thuê ngoài các chức năng của chuỗi, địa điểm và qui mô nhà máy sản xuất/kho bãi, phương thức vận chuyển và hệ thống thông tin. Các quyết định mang tính kế hoạch có thể được xây dựng trong thời gian một năm và bao gồm các quyết định về kế hoạch sản xuất, thầu phụ và hoạt động xúc tiến trong giai đoạn đó. Các quyết định tác nghiệp thường mang tính tức thời và hàng ngày liên quan đến quá trình sản xuất và đáp ứng đơn đặt hàng cụ thể. Dù ở bậc quyết định nào, những người làm công tác quản trị chuỗi cung ứng luôn tập trung vào năng lực nâng cao kết quả của toàn bộ chuỗi, đảm bảo đáp ứng cao nhất những yêu cầu của thị trường.

*Kiến thức chuyên ngành*

*Mua và quản trị nguồn cung:* Học phần này cung cấp các kiến thức tổng quan từ khái niệm, lịch sử phát triển & quan điểm tiếp cận tới cấu trúc tổ chức trong công tác mua và quản trị nguồn cung. Học phần còn nghiên cứu các chính sách, quá trình tác nghiệp, quản trị chi phí, quyết định thuê ngoài, quá trình chiến lược mua và quản trị quan hệ nhà cung cấp. Đồng thời, học phần còn giới thiệu những xu hướng phát triển của công tác mua và quản trị nguồn cung trong tương lai.

*Logistics trong thương mại điện tử:* Học phần cung cấp các kiến thức của toàn bộ quá trình hoạch định, tổ chức và triển khai hoạt động logistics trong thương mại điện tử. Học phần gồm có 6 chương, bắt đầu với phần giới thiệu về logistics TMĐT với những tính chất đặc trưng của logistics trong bối cảnh kinh tế mạng. Chương 2 nghiên cứu các yếu tố hạ tầng căn bản của hệ thống logistics thương mại điện tử. Chương 3 mô tả các hoạt động logistics đầu vào trong thương mại điện tử. Chương 4 tiếp nối với các hoạt động logistics đầu ra trong thương mại điện tử. Chương 5 đề cập về hoạt động vận chuyển và quản lý kho hàng trong logistics TMĐT. Chương cuối cùng, trình bày về các loại hình chiến lược logistics TMĐT để doanh nghiệp có thể hiện thực hóa một cách thành công các cơ hội kinh doanh trong nền kinh tế mạng.

*Quản lý kho và trung tâm phân phối:* Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản và chuyên sâu về hoạt động quản lý kho và trung tâm phân phối. Học phần tập trung vào những nội dung chủ yếu sau: Các dạng chiến lược phân phối hàng hóa và cấu trúc mạng lưới phân phối tương ứng để thực hiện những chiến lược này; Các hoạt động quản lý

kho hàng và trung tâm phân phối trên các khía cạnh không gian, thời gian, lưu lượng dòng hàng dự trữ, nguồn nhân lực, hệ thống thông tin, quản lý thiết bị; Các quy trình nghiệp vụ cơ bản trong kho hàng và trung tâm phân phối theo các dòng và phương pháp công nghệ; Các chỉ tiêu đánh giá hoạt động quản lý kho và trung tâm phân phối.

*Quản trị giao nhận và vận chuyển hàng hóa quốc tế:* Học phần Quản trị giao nhận vận chuyển hàng hóa quốc tế giới thiệu về dịch vụ giao nhận vận chuyển hàng hóa quốc tế, các phương thức giao nhận vận chuyển và các chứng từ vận chuyển thường gặp. Học phần cung cấp kiến thức về quản trị giao nhận vận chuyển hàng hóa quốc tế bao gồm lập kế hoạch, tổ chưc, giám sát và điều hành quy trình giao nhận vận chuyển hàng hóa quốc tế.

2.2.2 Các học phần tự chọn

*Thống kê kinh doanh:* Học phần cung cấp các kiến thức về thống kê kinh doanh bao gồm: Thống kê kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp theo thông lệ quốc tế; Tính toán, phân tích thống kê tình hình và hiệu quả sử dụng các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất kinh doanh như: Thống kê lao động, thu nhập của người lao động; Tài sản cố định và đầu tư dài hạn; Vốn và hoạt động tài chính; Chi phí và giá thành sản phẩm.

*Logistics quốc tế:* Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về logistics trong môi trường kinh doanh quốc tế. Học phần mô tả cấu trúc mạng lưới logistics quốc tế và việc sử dụng các hoạt động thuê ngoài logistics trong bối cảnh thương mại toàn cầu. Hỗ trợ cho các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế tham gia vào chuỗi cung ứng quốc tế có thể thích nghi các hoạt động tầm chiến lược và tác nghiệp của mình trước những biến đổi liên tục của môi trường kinh doanh quốc tế.

*Quản trị dự án:* Học phần bao gồm các nội dung chủ yếu như: Khái luận về dự án và quản trị dự án; tổ chức dự án và nhà quản trị dự án; các hoạt động cơ bản của quản trị dự án: xác định và lập kế hoạch dự án, quản lý thời gian và tiến độ dự án, điều phối các nguồn lực dự án, quản trị chi phí dự án, quản trị chất lượng dự án, quản trị rủi ro dự án, giám sát và kết thúc dự án.

*Luật thương mại quốc tế:* Học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề pháp lý chung về thương mại quốc tế, bao gồm quan hệ thương mại quốc tế giữa các quốc gia, vùng lãnh thổ với nhau trong khuôn khổ của Tổ chức thương mại thế giới và các hiệp định thương mại tự do khác; quan hệ thương mại quốc tế giữa các thương nhân liên quan đến các lĩnh vực khác nhau của thương mại quốc tế như mua bán hàng hóa quốc tế, vận tải hàng hóa quốc tế, thanh toán quốc tế. Học phần có tính gắn kết chặt chẽ với các học phần cơ sở ngành cũng như những học phần có tính chuyên sâu khác trong các chương trình đào tạo này nhằm giúp người học đạt được mục tiêu của các chương trình đào tạo.

*Marketing quốc tế:* Học phần bao gồm hai phần: Phân tích thị trường và quản trị thời cơ marketing quốc tế: Khái quát các quan điểm quản trị marketing quốc tế, phân

tích các nhân tố môi trường marketing quốc tế và thị trường quốc tế làm cơ sở đánh giá và quản trị thời cơ marketing quốc tế của công ty kinh doanh; Quản trị marketing quốc tế: Chiến lược marketing quốc tế, quản trị các nỗ lực marketing-mix và từng thành tố của marketing mix trên thị trường quốc tế, tổ chức và kế hoạch hóa marketing quốc tế của công ty kinh doanh.

*Quản trị sản xuất:* Học phần bao gồm các nội dung: Bản chất của sản xuất và quản trị sản xuất; Lịch sử hình thành và xu hướng phát triển của quản trị sản xuất ; Dự báo nhu cầu sản phẩm và các phương pháp dự báo ; Thiết kế sản phẩm; Lựa chọn quá trình sản xuất; Hoạch định công suất; Xác định địa điểm sản xuất của doanh nghiệp; Bố trí mặt bằng sản xuất; Hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu; Tổ chức mua nguyên vật liệu; Lập lịch trình sản xuất; Quản trị dự trữ và Quản lý chất lượng trong sản xuất.

*Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế:* Học phần cung cấp những kiến thức về các phương thức giao dịch trong thương mại quốc tế, các điều kiện giao dịch trong thương mại quốc tế, quản trị quy trình giao dịch thương mại quốc tế và quản trị quy trình thực hiện hợp đồng thương mại quốc tế, bao gồm: lập kế hoạch và tổ chức thực hiện hợp đồng thương mại quốc tế, giám sát và điều hành quy trình thực hiện hợp đồng thương mại quốc tế.

*Quản trị bán hàng:* Học phần bao gồm các nội dung Khái luận về bán hàng và quản trị bán hàng; Kỹ năng bán hàng và Quản lý chế độ khách hàng lớn; Lập kế hoạch bán hàng; Quản trị đội ngũ bán hàng; Tổ chức điểm bán hàng; Kiểm soát bán hàng; Chăm sóc khách hàng và thực hiện dịch vụ sau bán hàng.

***2.3 Kiến thức bổ trợ***

2.3.1 Các học phần bắt buộc

*Quản trị thương hiệu 1:* Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về thương hiệu và quản trị thương hiệu từ tư duy chiến lược đến thực tiễn triển khai. Các nội dung chủ yếu sẽ được đề cập trong học phần gồm: Các tiếp cận khác nhau về thương hiệu và những yếu tố tác động đến sự phát triển thương hiệu của doanh nghiệp; kiến thức và kỹ năng thiết kế và triển khai hệ thống nhận diện thương hiệu; các biện pháp bảo vệ thương hiệu và kỹ năng xử lý các tình huống tranh chấp thương hiệu; hoạt động truyền thông thương hiệu; định hướng phát triển thương hiệu.

*Thương mại điện tử căn bản:* Học phần trang bị những kiến thức căn bản và những ứng dụng thực tiễn của thương mại điện tử trong doanh nghiệp bao gồm: những khái niệm cơ bản, những nguyên lý về thị trường và khách hàng, những mô hình kinh doanh chính yếu trên Internet hiện nay, những yếu tố tổ chức và kết cấu hạ tầng, những hoạt động đặc trưng như thanh toán điện tử, dịch vụ hỗ trợ, an toàn, bảo mật và các khía cạnh văn hóa, đạo đức, xã hội của thương mại điện tử.

2.3.2 Các học phần tự chọn:

*Pháp luật hợp đồng:* Học phần Pháp luật Hợp đồng nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản về hợp đồng và pháp luật về hợp đồng ở Việt nam gồm khái niệm, các tiêu chí để nhận diện bản chất pháp lý của các loại hợp đồng; nguồn luật về hợp đồng và các nguyên tắc áp dụng pháp luật về hợp đồng. Trên cơ sở những vấn đề lý luận nêu trên, học phần đề cập tới các nội dung pháp lý cụ thể gắn liền với vấn đề Giao kết hợp đồng và Thực hiện hợp đồng gồm: Xác định sự hình thành hợp đồng; các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng, hợp đồng vô hiệu và xử lý hợp đồng vô hiệu; cơ sở pháp lý cho việc giải thich hợp đồng; thay đổi, đình chỉ, hủy bỏ hợp đồng; trách nhiệm pháp lý khi có sự vi phạm hợp đồng. Từ những vấn đề lý luận và nội dụng pháp lý nền tảng về hợp đồng nêu trên học phần tập trung nghiên cứu những quy định của pháp luật hiện hành về các loại hợp đồng thông dụng phát sinh trong quá trình chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản và trong quá trình thực hiện các dịch vụ khác nhau trong đời sống kinh tế xã hội hiện nay.

*Quản trị nhân lực căn bản:* Học phần bao gồm các nội dung chính: khái niệm và vai trò của quản trị nhân lực, mối quan hệ của quản trị nhân lực với các hoạt động quản trị khác, các học thuyết quản trị nhân lực, các nội dung cơ bản của quản trị nhân lực theo tiếp cận quá trình (hoạch định nhân lực, phân tích công việc, tổ chức bộ máy quản trị nhân lực, tổ chức hoạt động quản trị nhân lực, tạo động lực cho người lao động, kiểm soát hoạt động quản trị nhân lực.

*Marketing thương mại điện tử:* Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, các quan niệm quản trị marketing thương mại điện tử, bao gồm các vấn đề: Quan điểm tiếp cận quản trị TMĐT về marketing trên Internet; hành vi người mua hàng trực tuyến; mô hình hệ thống, phân tích cạnh tranh và định vị trên thị trường ảo của doanh nghiệp; lựa chọn chiến lược và xây dựng kế hoạch marketing TMĐT; lựa chọn, khai thác, sử dụng, phối hợp các công cụ, ứng dụng, dịch vụ hỗ trợ trực tuyến trong marketing TMĐT; quản trị các nỗ lực marketing TMĐT và việc vận dụng chúng để định hướng, chỉ đạo các hoạt động marketing B2B, B2C và các dịch vụ trên Internet.

*Hệ thống thông tin quản lý:* Học phần trình bày các khái niệm cơ bản về hệ thống thông tin quản lý, các thành phần cấu thành vàvai trò của hệ thống thông tin quản lý trong hoạt động của các tổ chức, doanh nghiệp; Học phần cũng giới thiệu nền tảng các công nghệ được ứng dụng trong hệ thống thông tin quản lý, quy trình, phương pháp và các công cụ được sử dụng để xây dựng, quản trị hệ thống thông tin của tổ chức. Bên cạnh đó, học phần cũng giới thiệu các thành phần và cơ chế hoạt động của các hệ thống thông tin phổ biến trong các tổ chức, doanh nghiệp.

**2.4 Thực tập và làm tốt nghiệp khóa học**

*Thực tập và viết Báo cáo thực tập tổng hợp:* Sinh viên đi thực tập ở các tổ chức và doanh nghiệp và viết báo cáo thực tập tổng hợp về khái quát về công ty; mô tả, phân

tích và đánh giá bối cảnh và hoạt động kinh doanh, hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng của các tổ chức/doanh nghiệp.

*Thực tập và viết Khóa luận tốt nghiệp:* Các kiến thức, kỹ năng và năng lực của người học đã tích lũy từ các học phần trong chương trình đào tạo được sử dụng để giải quyết một vấn đề liên quan đến logistics hoặc quản lý chuỗi cung ứng của đơn vị thực tập. Người học phải thực tập ở đơn vị thực tập, nghiên cứu tìm hiểu vấn đề logistics hoặc quản lý chuỗi cung ứng của đơn vị. Dựa trên các lý luận đã được học, người học nghiên cứu, phân tích làm rõ thực trạng vấn đề và đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề liên quan đến logistics hoặc quản lý chuỗi cung ứng của đơn vị thực tập đã chọn làm đề tài khóa luận tốt nghiệp.